



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA

ALPHA SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**ANNUAL REPORT**

**2014**

## MỤC LỤC

I. Thông tin chung .....	4
1. Thông tin khái quát.....	4
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	4
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	5
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	5
4.1. Mô hình quản trị.....	5
4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý .....	5
5. Định hướng phát triển.....	6
5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty trong năm 2014.....	6
5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn .....	7
5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.....	8
6. Các rủi ro:.....	8
II. Tình hình hoạt động trong năm .....	9
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	9
2. Tổ chức và nhân sự.....	10
2.1. Thông tin về Ban điều hành .....	10
2.2. Về nhân sự .....	15
3. Tình hình tài chính .....	15
3.1. Tình hình tài chính .....	15
3.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu .....	15
4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	16
4.1. Cổ phần: .....	16
4.2. Cơ cấu cổ đông: .....	16
4.3. Vốn điều lệ.....	17
4.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có .....	17
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc.....	17
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013.....	17
2. Tình hình tài chính .....	21
2.1. Tình hình tài sản.....	21
2.2. Tình hình nợ phải trả .....	21
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý .....	21
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	21
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty .....	23
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty .....	23
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty ....	23
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị .....	24
V. Quản trị công ty .....	24
1. Hội đồng quản trị.....	24
2. Ban Kiểm soát .....	27

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.....Error! Bookmark not defined.
- VI. Báo cáo tài chính (đính kèm) .....Error! Bookmark not defined.
1. Ý kiến kiểm toán .....Error! Bookmark not defined.
  2. Báo cáo tài chính được kiểm toán .....Error! Bookmark not defined.

## I. Thông tin chung

### 1. Thông tin khái quát

- Công ty cổ phần chứng khoán Alpha (Alpha Securities Company, JS) được thành lập hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015116 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 19/12/2006, sửa đổi lần thứ nhất ngày 22/12/2006.
- Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 44/UBCK-GPHĐKD ngày 28/12/2006 do UBCKNN cấp;
- Quyết định số 64/UBCK-GP ngày 21/8/2007 của UBCKNN về việc sửa đổi một số nội dung của Giấy phép 44/UBCK-GPHĐKD;
- Quyết định số 133/UBCK-GP ngày 18/6/2008 của UBCKNN về việc sửa đổi một số nội dung của Giấy phép 44/UBCK-GPHĐKD.
- Giấy phép số 211/UBCK-GP ngày 16/03/2009 điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động số 44/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp ngày 28/12/2006 được rút bớt nghiệp vụ tự doanh chứng khoán.
- Tổng số vốn điều lệ của Công ty theo Quyết định số 133/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18/6/2008 về việc sửa đổi một số nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 44/UBCK-GPHĐKD ngày 28/12/2006 do UBCKNN cấp là 58.619.400.000 đồng.
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha có trụ sở tại Số 02 Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.
- Số điện thoại: (84.4) 39334666                      Số fax: (84.4) 39334668
- Website: apsc.vn

### 2. Quá trình hình thành và phát triển

Ngày 28/12/2006	Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động
Ngày 11/01/2007	Thành viên của Trung tâm Lưu ký chứng khoán
Ngày 23/01/2007	Thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Ngày 12/03/2007	Khai trương và đi vào hoạt động tại Hà Nội



Ngày 15/03/2007	Thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
Ngày 10/01/2008	Giới thiệu dịch vụ tra cứu SMS với Khách hàng
Ngày 04/01/2010	Giao dịch trực tuyến với sàn HCM
Ngày 28/05/2010	Giao dịch trực tuyến với sàn Hà Nội

### **3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

Các nghiệp vụ kinh doanh của APSC:

- Môi giới chứng khoán
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán

### **4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

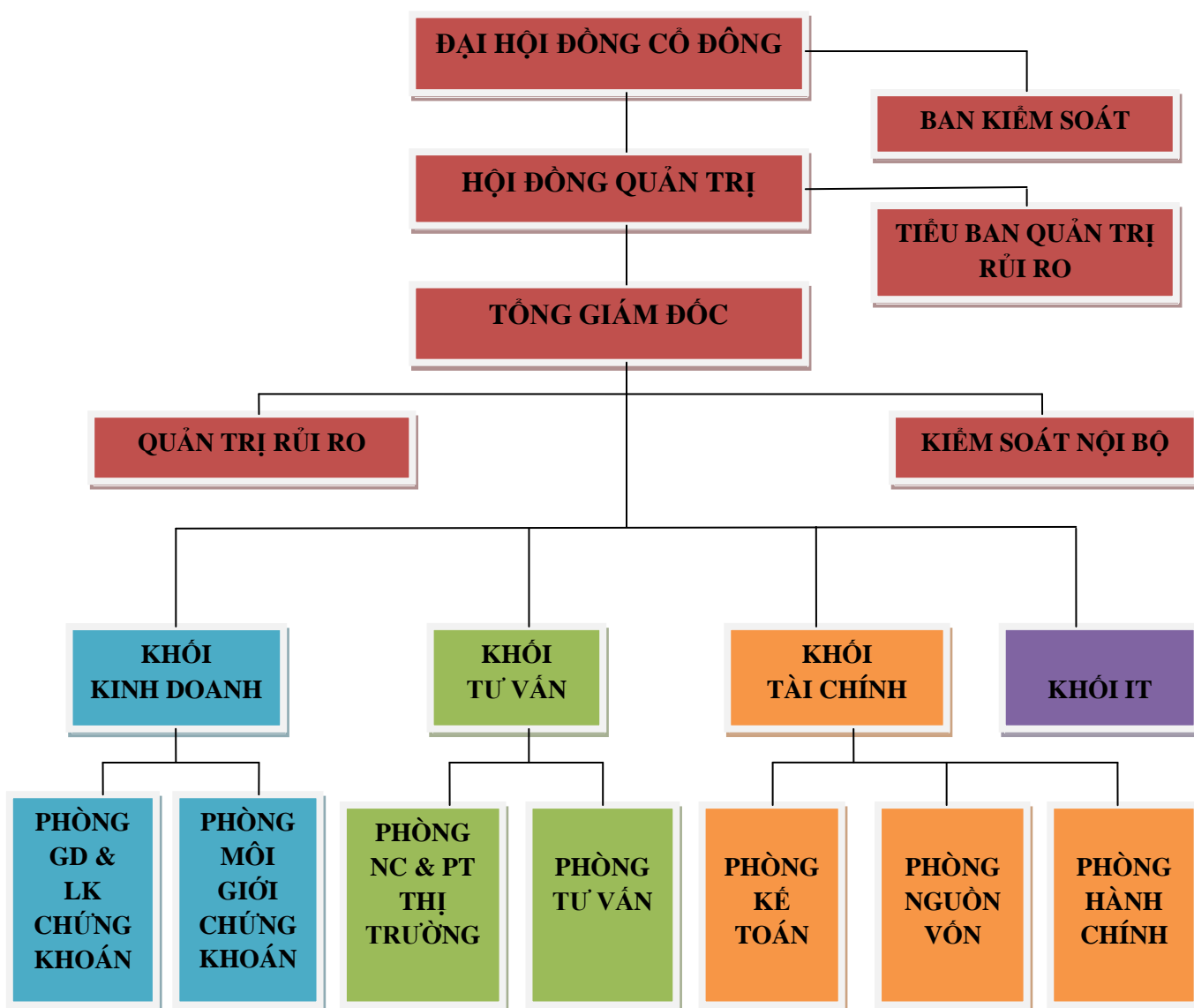
#### **4.1. Mô hình quản trị**

Mô hình quản trị doanh nghiệp bao gồm: Đại hội Đồng cổ đông; Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị; Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc và các Giám đốc Khối chức năng. Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của khối thông qua Giám đốc phụ trách khối.

Nhìn chung, mô hình quản trị mới đã được xây dựng và tiếp cận với các chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Việc cơ cấu lại mô hình quản trị đã bước đầu tăng cường hiệu quả quản lý, quản trị điều hành, nâng cao hiệu quả quản trị của Hội đồng Quản trị (HDQT) đối với bộ máy điều hành; thực hiện chức năng quản trị vốn đầu tư của chủ sở hữu thông qua hệ thống các quy chế quản trị.

#### **4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý**

Cơ cấu quản lý Công ty được tổ chức theo sơ đồ sau



## 5. Định hướng phát triển

### 5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty trong năm 2015

- Tiếp tục nâng cấp toàn bộ hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng với các yêu cầu và tiêu chuẩn giao dịch mới;
- Khai thác triệt để lợi thế của APSC trong việc mở rộng và phát triển khách hàng;
- Tăng cường kiểm soát doanh thu, chi phí nhằm duy trì hoạt động kinh doanh có lãi, chống đỡ với những khó khăn của thị trường và sẵn sàng khi thị trường có cơ hội phục hồi;

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác quản trị và kiểm soát rủi ro, xây dựng Quy chế quản trị rủi ro chi tiết, cụ thể với từng nhóm rủi ro, từng bộ phận chuyên môn;
- Không ngừng hoàn thiện chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng;
- Tăng thị phần môi giới, mở rộng lĩnh vực tư vấn tài chính doanh nghiệp;
- Liên tục tuyển dụng và đào tạo các nhân tài phục vụ cho Công ty.

## **5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

Xây dựng APSC thành một công ty có thương hiệu mạnh về dịch vụ môi giới và tư vấn đầu tư chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam và quốc tế. Để đạt được mục tiêu trên APSC đã đưa ra những chiến lược cụ thể như sau :

- Chiến lược phát triển khách hàng: APSC quan điểm rằng để mở rộng được mạng lưới khách hàng thì cần phải xây dựng được niềm tin của khách hàng đối với Công ty. Vì vậy, chữ “Tín” trong kinh doanh là một yếu tố quan trọng. Nâng cao tính minh bạch và cam kết về trách nhiệm trong các hoạt động giao dịch mua bán đầu tư với khách hàng sẽ là một nền tảng để khách hàng lựa chọn và gắn bó lâu dài với Công ty.
- Chiến lược phát triển sản phẩm dịch vụ: APSC cung cấp một chuỗi các sản phẩm nhằm nâng cao tiện ích cho khách hàng trong việc sử dụng dịch vụ, tiết kiệm thời gian tối đa và vẫn đạt hiệu quả trong đầu tư.
- Chiến lược công nghệ thông tin: Với đặc thù là ngành kinh doanh phụ thuộc nhiều vào công nghệ, APSC đã xác định mức độ quan trọng của hệ thống công nghệ thông tin hiện đại. Với kinh nghiệm trong ngành Chứng khoán, APSC thấu hiểu và thông suốt các cách thức giao dịch, nhu cầu của khách hàng, các sản phẩm phái sinh tài chính và cả những sản phẩm mới sẽ được đưa vào thị trường Việt Nam, trên nền tảng đó APSC xây dựng một hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, tiên tiến và có độ mở cao nhằm đáp ứng việc thích ứng với môi trường kinh doanh tại Việt Nam đặc biệt là sự thích nghi với sự thay đổi các chính sách của thị trường. Với hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng được đầy đủ các nhu cầu của khách hàng nhưng đồng thời giúp khách hàng tiết kiệm chi phí.
- Chiến lược nhân sự: APSC xác định nhân sự là yếu tố cơ bản và quan trọng nhất để xây dựng một APSC thành công và trở thành một thương hiệu mạnh trong ngành.

Vì vậy, APSC có một hệ thống các quy trình, chính sách để thu hút, đào tạo và phát triển nhân tài. Trong cơ chế thị trường cạnh tranh khốc liệt về nhân sự giỏi, APSC cam kết luôn hiểu, chia sẻ, vun đắp và hỗ trợ cho những thành viên của Công ty để từ đó có động lực phát triển và gắn bó lâu dài với Công ty.

### 5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

- Trở thành một Công ty chứng khoán môi giới chuyên nghiệp và uy tín trên thị trường Chứng khoán Việt Nam.
- Phương thức giao dịch và hệ thống công nghệ thông tin hiện đại và tiên tiến nhất.
- Cung cấp các sản phẩm dịch vụ hoàn hảo đến khách hàng.
- Môi trường làm việc thân thiện và hiệu quả cao với đội ngũ chuyên gia có trình độ và nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính Chứng khoán, có đạo đức nghề nghiệp và có nhiệt huyết xây dựng Công ty.

#### *Các rủi ro:*

❖ **Rủi ro thị trường** là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường phát sinh do biến động về lãi suất, tỷ giá ngoại tệ, chỉ số giá cổ phiếu, giá cả hàng hóa thế giới và trong nước. Rủi ro thị trường gây tác động làm giảm mức độ lợi nhuận đầu tư của Công ty thông qua ảnh hưởng trực tiếp tới khoản đầu tư tiền gửi, đầu tư cổ phiếu của Công ty. Nhận thức được những bất ổn tiềm tàng trong nền kinh tế, Công ty luôn thực hiện chiến lược đầu tư thận trọng, và đạt hiệu quả cao nhất trong đầu tư.

❖ **Rủi ro tín dụng** là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Rủi ro này ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh và lợi nhuận của Công ty. Rủi ro tín dụng phát sinh từ các khoản phải thu khách hàng từ những hợp đồng tư vấn và hỗ trợ giao dịch ký quỹ. Rủi ro này phát sinh khi đối tác không hoàn thành khả năng thanh toán. Đối với giao dịch ký quỹ, APSC thực hiện thận trọng trên cơ sở tuân thủ các quy định của UBCK Nhà Nước và thường xuyên đánh giá các mã cổ phiếu trong danh mục chứng khoán ký quỹ dựa trên yếu tố thanh khoản, biến động giá. Đối với các hợp đồng tư vấn, Công ty yêu cầu khách hàng thanh toán trước theo từng giai đoạn của công việc hoặc đặt cọc một phần tiền. Bằng việc thực hiện các biện pháp quản trị rủi ro tín dụng, năm 2014, Công ty không để xảy ra tình trạng tổn thất vốn, hay nợ xấu.

❖ **Rủi ro thanh khoản** là rủi ro dẫn đến mất khả năng thanh toán những khoản nợ ngắn hạn. Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền ở mức độ hợp lý đủ để hỗ trợ

tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

❖ **Rủi ro pháp luật** là rủi ro liên quan đến các quy định của pháp luật ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Thị trường chứng khoán Việt Nam đang trong quá trình hoàn thiện, các văn bản pháp luật mới liên tục được ban hành. Chính vì vậy, Công ty thường xuyên cập nhật những văn bản pháp luật mới nhất liên quan đến lĩnh vực chứng khoán và các lĩnh vực liên quan khác, tiến hành đào tạo nhằm nâng cao kiến thức về pháp luật cho nhân viên. Nhờ đó đã giúp Công ty hạn chế những rủi ro liên quan đến vấn đề pháp luật.

❖ **Rủi ro về thương hiệu** nảy sinh do các yếu tố làm ảnh hưởng đến Công ty và thương hiệu, hình ảnh của công ty đối với đối tác, nhà đầu tư và các cơ quan quản lý. Công ty luôn chú trọng xây dựng hình ảnh công ty, đảm bảo phục vụ khách hàng tốt nhất và thực hiện đầy đủ chế độ công bố thông tin.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

#### 1.1. Tình hình thế giới:

Năm 2014 là một năm đầy biến động của nền kinh tế thế giới. Trái ngược với đà tăng trưởng của nền kinh tế Mỹ thì kinh tế thế giới lại đang có nhiều bất ổn. GDP của Mỹ ổn định ở mức 2,2%. Nền kinh tế khu vực đồng tiền chung châu Âu – Eurozone do sự bất ổn về tỷ giá đồng Euro cũng như chính sách thắt chặt tiền tệ và hạn chế chi tiêu công đã làm suy giảm tăng trưởng tại khu vực này, khiến tăng trưởng kinh tế trong khu vực chậm lại. Việc nâng thuế tiêu thụ tại Nhật Bản đã khiến cho nền kinh tế của nước này rơi vào suy thoái khi GDP của Nhật Bản chỉ đạt 0,9%, tỷ giá đồng Yên so với USD giảm 13,3%.

Tuy nền kinh tế còn nhiều biến động nhưng các chỉ số chứng khoán chính của các nước như S&P 500 của Mỹ, Nikkei của Nhật, Micex của Nga hay DAX của Đức đều giữ được đà tăng trưởng. Điều này sẽ là tiền đề để nền kinh tế thế giới ổn định và tăng trưởng trở lại trong năm tới.

#### 1.2. Tình hình trong nước

Trong năm 2014, nền kinh tế Việt Nam đã có những chuyển biến tích cực. Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt trên 5,9% (cao hơn so với mục tiêu 5,8% và mức 5,42% năm 2013) nhờ gia tăng trong lĩnh vực xuất khẩu. Lạm phát và tỷ giá được kiểm soát tốt. Mặt

bằng lãi suất đã giảm. Các giải pháp ổn định nền kinh tế vĩ mô, tái cấu trúc nền kinh tế đã được Chính phủ triển khai đồng bộ, từ đó rút ngắn thời gian và nâng cao được hiệu quả của các chính sách này. Mặc dù còn có những yếu tố bất lợi, ảnh hưởng đến nền kinh tế như tình hình biển Đông, giá dầu quốc tế giảm mạnh tuy nhiên thị trường chứng khoán Việt Nam đã đạt được một số kết quả nổi bật như sau:

- **Thị trường chứng khoán năm 2014 đã phản ánh khá rõ nét những chuyển biến tích cực trong nền kinh tế.** Chỉ số VN-Index đã lập đỉnh tại mức 640,75 (ngày 30/09) sau gần 6 năm, trong khi HNX-Index cũng đã lập đỉnh tại mức 92,99 (ngày 24/03) sau đúng 3 năm.

- **Huy động vốn qua thị trường chứng khoán tiếp tục được duy trì ở mức cao.** Tổng giá trị huy động vốn qua TTCK năm 2014 ước đạt 237 nghìn tỷ đồng, tăng 6% so với cùng kỳ năm 2013 và đóng góp 27,1% tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

- **Đẩy mạnh quá trình cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước gắn với niềm yết.**

### 1.3. Tình hình công ty

Trong năm 2014, tuy thị trường chứng khoán còn nhiều biến động và bất ổn, nhưng nhờ Công ty đã hoạch định chiến lược, triển khai cũng như xúc tiến dịch vụ phù hợp với những biến động của thị trường nên kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cải thiện so với năm 2013. Nhưng do ảnh hưởng từ những khó khăn chung của nền kinh tế trong nước cũng như quốc tế, hoạt động kinh doanh của Công ty đã không đạt được như kế hoạch đề ra. Doanh thu hoạt động môi giới đạt 9.146.576.527 đồng tăng 127,2% so với năm 2013; hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp đạt 773.636.363 đồng tăng 6,4% so với năm 2013.

Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 14.239.595.351 đồng đạt 87,72% so với kế hoạch năm đề ra. Lợi nhuận sau thuế đạt 1.001.053.605 đồng.

## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1. Thông tin về Ban điều hành

#### ❖ Ông Nguyễn Quốc Hùng – Tổng Giám Đốc

Họ và tên:	NGUYỄN QUỐC HÙNG
Chức vụ:	Tổng Giám đốc
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	20-08-1965

CMND:	011019129, cấp ngày 30/03/2000 tại Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Số 64 Ngõ Thổ Quan, Phố Khâm Thiên, Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	(84 4) 3933 4666 (Ext: 186)
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế - Viện Đại học Mở
Quá trình công tác:	1983-1995: Nhân viên Xí nghiệp xăng dầu-Công ty xăng dầu khu vực 1 2000-2006: Trưởng phòng Môi giới Công ty Chứng khoán SSI
Chức vụ công tác hiện nay:	Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán ALPHA Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần LICOGI 13
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Số lượng cổ phần sở hữu	1.636.400
Loại cổ phần sở hữu	Phổ thông
Tỷ lệ	27,92%

❖ **Ông Lê Văn Cường – Giám đốc khối Tư vấn tài chính Doanh nghiệp**

Họ và tên:	LÊ VĂN CUƯỜNG
Chức vụ:	Giám đốc khối tư vấn tài chính doanh nghiệp
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	23-02-1973
CMND:	011663391, cấp ngày 24/05/2005 tại Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam



Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	150 L3, Thái Thịnh, Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	(84 4) 3933 4666 (Ext: 308)
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế - Học Viện Ngân Hàng
Quá trình công tác:	- Từ 1995-1996 : Nhân viên Ngân hàng Vietcombank - Từ 1996-1998 : Chuyên viên – Ngân hàng Nhà nước - Từ 1998- 2007 : Chuyên viên - Ủy ban chứng khoán nhà nước
Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc khối tư vấn tài chính doanh nghiệp Công ty Cổ phần Chứng khoán ALPHA
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Số lượng cổ phần sở hữu	41.000
Loại cổ phần sở hữu	Phổ thông
Tỷ lệ	0,70%
<b>❖ Bà Nguyễn Thị Giáng Hương – Giám đốc khối Tài chính Kế toán</b>	
Họ và tên:	NGUYỄN THỊ GIÁNG HƯƠNG
Chức vụ:	Giám đốc khối Tài chính Kế toán
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	08-01-1973
CMND:	012045938, cấp ngày 01/07/1999 tại Hà Nội



Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Số 21, Ngõ 535, Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	(84 4) 3933 4666 (Ext: 408)
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế - Đại học Ngoại Thương
Quá trình công tác:	Từ 1998 – 2006: Cán bộ Ngân hàng Tokyo-Mitsubishi Hà nội
Chức vụ công tác hiện nay:	Giám đốc khối Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Chứng khoán ALPHA
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Số lượng cổ phần sở hữu	Không có

❖ **Bà Trương Thị Minh Thọ - Giám đốc khối Kinh doanh Chứng khoán**

Họ và tên:	TRƯƠNG THỊ MINH THỌ
Chức vụ:	Giám đốc khối Kinh doanh Chứng khoán
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	14-12-1976
CMND:	011805590, cấp ngày 13/08/2007 tại Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Số 21, Ngõ 535, Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	(84 4) 3933 4666 (Ext: 206)
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	- Cử nhân Ngoại ngữ khoa tiếng Đức - Đại học Ngoại Ngữ Hà Nội

Quá trình công tác:	- Cử nhân Kinh tế - Học viện Ngân hàng - 2000 - 2006: Trưởng Bộ phận Dịch vụ Chứng khoán – Công ty cổ phần chứng khoán SSI
Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên HĐQT, Giám đốc khối kinh doanh chứng khoán Công ty Cổ phần Chứng khoán ALPHA
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Số lượng cổ phần sở hữu	190.000
Loại cổ phần sở hữu	Phổ thông
Tỷ lệ	3,24%

❖ **Ông Võ Thanh Hải – Giám đốc khối Công nghệ thông tin**

Họ và tên:	VÕ THANH HẢI
Chức vụ:	Giám đốc khối Công nghệ thông tin
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	23-09-1979
CMND:	011938058, cấp ngày 15/01/2011 tại Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	34 A1, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	(84 4) 3933 4666 (Ext: 613)
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Công nghệ Thông tin – Đại học Bách Khoa
Quá trình công tác:	- 2003-2006 : Lập trình viên Công ty FPT
Chức vụ công tác hiện nay:	Giám đốc khối Công nghệ thông tin Công ty Cổ phần Chứng khoán ALPHA
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Số lượng cổ phần sở hữu	13.000
Loại cổ phần sở hữu	Phổ thông
Tỷ lệ	0,22%

## 2.2. Về nhân sự

Cơ cấu tổ chức và phát triển nhân sự: mặc dù trong năm 2013, vẫn còn có biến động trong nhân sự, nhưng về cơ bản bộ máy tổ chức – nhân sự của Công ty từ cấp cao đến nhân viên đều được duy trì ổn định.

Việc đào tạo, tập huấn nghiệp vụ cũng được tổ chức thường xuyên nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ. Việc tham gia các khóa học về chứng chỉ chuyên môn do UBCKNN tổ chức, được các cán bộ APSC thực hiện đầy đủ và 100% cán bộ tham gia học đều thi đỗ, đang ở giai đoạn chờ cấp chứng chỉ.

## 3. Tình hình tài chính

### 3.1. Tình hình tài chính

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Năm		% tăng/ giảm
	2014	2013	
Tổng giá trị tài sản	60.239.130.509	70.514.927.335	(14,57%)
Doanh thu thuần	14.239.595.351	8.088.542.700	76,04%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.001.053.605	(3.746.086.683)	474,21%
Lợi nhuận khác	-	3.000.000	
Lợi nhuận trước thuế	1.001.053.605	(3.743.086.683)	474,21%
Lợi nhuận sau thuế	1.001.053.605	(3.743.086.683)	474,21%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	171	(639)	473,68%

### 3.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm
----------	-----

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	5,01	2,85
Hệ số thanh toán nhanh	5,01	2,85
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,18	0,31
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,22	0,45
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,23	0,11
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	7,03%	(0,46)
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	2,02%	(7,72%)
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1,66%	(5,31%)
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	7,03%	(46,31%)

***Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu***

***4.1. Cổ phần:***

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 5.861.940 cổ phần

Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 5.861.940 cổ phần

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: không có

***4.2. Cơ cấu cổ đông:***

Tổng số cổ đông: 65 cổ đông, được phân bổ theo cơ cấu sau:

Phân loại	Cổ đông lớn	Cổ đông nhỏ	Cổ đông tổ chức	Cổ đông cá nhân	Cổ đông trong nước	Cổ đông nước ngoài	Cổ đông nhà nước	Cổ đông khác
Tỷ lệ	76,33%	23,67%	1,96%	98,04%	100%	0%	0%	100%
Tổng	100 %		100 %		100 %		100 %	

Nguồn: Danh sách cổ đông APSC ngày 31/12/2013

#### 4.3. Vốn điều lệ

Năm 2014, Công ty cổ phần chứng khoán Alpha không thay đổi vốn điều lệ.

Vốn điều lệ hiện tại: 58.619.400.000 đồng

#### 4.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014

Bảng đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014	Tỷ lệ
<b>Doanh thu</b>	<b>16.231.526.380</b>	<b>14.239.595.351</b>	<b>87,72%</b>
DT hoạt động môi giới chứng khoán	11.979.526.380	9.146.576.527	76,35%
DT hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	332.000.000	156.148.600	47,03%
DT hoạt động tư vấn	800.000.000	773.636.363	96,7%
DT khác	3.000.000.000	4.034.085.693	134,46%
<b>Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>7.165.094.500</b>	<b>7.897.598.210</b>	<b>110,22%</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>5.973.895.392</b>	<b>5.340.943.536</b>	<b>89,4%</b>
<b>Thu nhập khác</b>	-	-	-

<b>Chi phí khác</b>	-	-	-
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>3.092.536.488</b>	<b>1.001.053.605</b>	<b>32,37%</b>

Theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 của APSC cụ thể như sau:

#### ❖ **Hoạt động môi giới – giao dịch chứng khoán**

Trong năm 2014, hoạt động kinh doanh môi giới - giao dịch chứng khoán của Công ty có những thuận lợi nhất định. Thị trường chứng khoán có khởi sắc do những tín hiệu tích cực từ các chỉ số vĩ mô. APSC đã cố gắng duy trì chất lượng sản phẩm dịch vụ môi giới bằng kỹ năng và trình độ chuyên môn của đội ngũ nhân viên môi giới của Công ty, tiếp tục đảm bảo cung cấp đầy đủ và trung thực các thông tin của thị trường để giúp khách hàng nắm bắt được thông tin kịp thời, tìm kiếm và cung cấp cho khách hàng các cơ hội đầu tư phù hợp. Tuy nhiên, doanh thu từ hoạt động môi giới vẫn không đạt chỉ tiêu đề ra, cụ thể: tổng doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán đạt 9.146.576.527 đồng, tăng 127,2% so với năm 2013, nhưng bằng 76,35% so với kế hoạch.

Tuy doanh thu trong năm qua không khả quan nhưng mọi hoạt động kinh doanh của bộ phận môi giới đều được thực hiện đúng quy định, không xảy ra bất kỳ sự cố cũng như khiếu kiện nào từ phía nhà đầu tư. Công ty luôn kịp thời cập nhật những quy định mới của UBCKNN và Bộ Tài Chính đến nhà đầu tư, duy trì mối quan hệ gắn bó với các khách hàng.

#### ❖ **Hoạt động tư vấn Tài chính doanh nghiệp và phân tích đầu tư**

Trong năm 2014, doanh thu hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp đạt 773.636.363 đồng, tăng 6,4% so với năm 2013 nhưng chỉ bằng 96,7% so với kế hoạch. Doanh thu từ hoạt động trên không đạt kế hoạch bởi những nguyên nhân sau:

– Hoạt động tư vấn niêm yết gần như bị đình trệ do thị trường chứng khoán suy giảm mạnh kéo theo giá nhiều cổ phiếu niêm yết giảm sâu đã làm mất đi sự hấp dẫn của việc niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tập trung.

- Hoạt động tư vấn phát hành gặp rất nhiều bất lợi trong việc tìm kiếm khách hàng mới do thị trường chứng khoán suy giảm khiến kênh huy động vốn qua phát hành chứng khoán của doanh nghiệp trở nên kém hấp dẫn hơn trước rất nhiều.
- Các dịch vụ tư vấn khác của Công ty vẫn tạo nguồn thu ổn định nhưng không có đột biến và không bù đắp được sự sụt giảm trong doanh thu nói chung. Công ty vẫn duy trì và đảm bảo chất lượng dịch vụ tư vấn Tổ chức đại hội đồng cổ đông; Tư vấn IR và quản lý sổ cổ đông cho doanh nghiệp đối với các khách hàng truyền thống. Các dịch vụ tư vấn phát hành, niêm yết và cổ phần hóa là những dịch vụ mang lại doanh thu chủ yếu thì số lượng hợp đồng được ký kết và thực hiện không được nhiều.

Như vậy, việc các hoạt động tư vấn truyền thống (tư vấn niêm yết và tư vấn phát hành) bị sụt giảm mạnh trong khi các hoạt động tư vấn mới đưa vào triển khai chưa tạo được đột biến nên doanh thu từ mảng kinh doanh trên của Công ty đã không thể đạt được chỉ tiêu đề ra.

- Đối với hoạt động phân tích đầu tư của Công ty, APSC vẫn duy trì các sản phẩm phân tích của mình để phục vụ cho nhu cầu Công ty cũng như các yêu cầu của khách hàng. Ngoài các sản phẩm định kỳ (bản tin đánh giá nhận định thị trường hàng ngày, tuần, tháng) bộ phận Phân tích Công ty đã thường xuyên đưa ra các Báo cáo phân tích Công ty, lập danh mục đầu tư cho từng thời kỳ. Các sản phẩm này nhận được phản hồi tốt từ phía khách hàng, qua đó phần nào hỗ trợ được hoạt động môi giới của Công ty.

#### ❖ **Hoạt động lưu ký**

Là một trong những nghiệp vụ cơ bản của APSC. Hoạt động này đã cung cấp cho khách hàng rất nhiều tiện ích như ký gửi và bảo quản chứng khoán để đảm bảo các quyền và lợi ích kịp thời cho khách hàng. Với việc lưu ký sớm chứng khoán, APSC đã hỗ trợ cho khách hàng kịp thời giao dịch. Ngoài ra khách hàng còn được cập nhật các thông tin kịp thời về cổ tức, giá chứng khoán và các thông tin liên quan đến cổ phiếu mà khách hàng đầu tư.

Trong năm Công ty đã thực hiện đầy đủ và chính xác các số liệu cũng như thủ tục lưu ký và thanh toán bù trừ, không xảy ra sai sót. Các thủ tục giấy tờ tiến hành nhanh chóng đã mang lại sự hài lòng cho khách hàng.

#### ❖ **Hoạt động kinh doanh nguồn vốn và các dịch vụ hỗ trợ**

Là một mảng hoạt động rất quan trọng trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt hiện nay. Trong năm 2014, Công ty đã chủ động tìm kiếm các nguồn tài chính từ các đối tác là ngân hàng, công ty tài chính nhằm hỗ trợ tối đa cho khách hàng cũng như tạo thêm lợi nhuận cho công ty qua các dịch vụ hỗ trợ như: ứng trước tiền bán chứng khoán. Repo – cầm cố cổ phiếu, cho vay ký quỹ chứng khoán... Hoạt động này đã được Công ty triển khai với quan điểm thận trọng, chỉ hỗ trợ đối với những khách hàng đáp ứng yêu cầu về tài chính và có những danh mục đầu tư đảm bảo tính thanh khoản cao, đáp ứng được các tiêu chí mà Công ty đặt ra. Tuy đề cao sự đảm bảo an toàn nhưng tổng giá trị doanh thu thực hiện được trong năm 2014 cũng đã đạt được là 4.034.085.693 đồng, đóng góp lớn trong tổng doanh thu của Công ty.

#### **Những tiến bộ đã đạt được:**

- Cơ cấu tổ chức linh hoạt, chuyên nghiệp hóa.
- Chất lượng dịch vụ ngày càng được nâng cấp, các quy trình nghiệp vụ được hoàn thiện giúp nâng cao chất lượng dịch vụ và Công ty kiểm soát được rủi ro.
- Cơ sở hạ tầng và phần mềm dịch vụ được liên tục đổi mới

#### **Các hạn chế còn tồn tại:**

Bên cạnh những tác động nặng nề từ tình hình kinh tế vĩ mô cũng như sự suy giảm của thị trường chứng khoán đã nói ở trên, chúng ta cũng còn nhiều mặt chưa làm được do những hạn chế trong nội tại Công ty, cụ thể là:

- Mặc dù đã rất cố gắng nhưng kết quả kinh doanh cho thấy các bộ phận trong Công ty chưa tìm ra được giải pháp hiệu quả để cải thiện tình hình kinh doanh trong bối cảnh thị trường chứng khoán hiện nay.
- Công nghệ thông tin: phần mềm giao dịch trong quá trình sử dụng tiếp tục cần chỉnh sửa, nâng cấp và hoàn thiện để đáp ứng những yêu cầu mới của cơ quan quản lý nhà nước và các yêu cầu mới của khách hàng trong khi chi phí nâng cấp cho hệ thống này còn hạn chế nên mới chỉ đáp ứng được những yêu cầu cơ bản.
- Thị phần, chất lượng dịch vụ: thị phần của Công ty có dấu hiệu giảm, chất lượng dịch vụ chưa tương xứng với mức phí của Công ty. Ngoài yếu tố thị trường, cũng có những nguyên nhân từ bên trong như: đội ngũ chuyên viên có trình độ cao ít, thiếu kinh nghiệm...



## ***Tình hình tài chính***

### ***2.1. Tình hình tài sản***

Năm 2014 tổng tài sản cuối kỳ của Công ty đạt 60.239.130.509 đồng, giảm so với cuối kỳ năm 2013 là 14,5%. Tình hình tài sản của Công ty có một số biến động như sau: đầu tư tài chính ngắn hạn giảm từ 31,8 tỷ năm 2013 xuống còn 22,1 tỷ năm 2014 (do việc cắt giảm các khoản đầu tư ngắn hạn); các khoản phải thu khách hàng tăng từ 16,5 tỷ năm 2013 lên 20,5 tỷ năm 2014. Các chỉ tiêu tài sản khác không biến động nhiều.

### ***2.2. Tình hình nợ phải trả***

Nợ phải trả của Công ty là 10,7 tỷ đồng, trong đó tất cả là trả người đầu tư và trả khác, không có vay và nợ ngắn hạn.

### ***Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý***

**Cơ cấu tổ chức:** Năm 2014, thành lập Tiểu ban quản trị rủi ro (thuộc Hội đồng quản trị) có chức năng hỗ trợ Hội đồng quản trị xem xét, phê duyệt và giám sát việc thực hiện chính sách và chiến lược quản trị rủi ro. Các bộ phận trong Công ty có thay đổi về nhân sự, chuyên môn, cắt giảm, tuyển dụng nhân sự hợp lý đã làm giảm bớt chi phí và tận dụng tốt hơn năng lực làm việc của nhân sự trong từng bộ phận.

**Về chính sách, quản lý:** Công ty ban hành các chính sách mới về “Quy chế quản lý rủi ro” và “Quy trình quản lý rủi ro”

### ***Kế hoạch phát triển trong tương lai***

Sang năm 2015, dự báo kinh tế thế giới tăng trưởng khả quan, nền kinh tế Mỹ sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh từ 2,5%-3% trong năm 2015. Nền kinh tế của khu vực đồng tiền chung châu Âu – Eurozone sẽ tiếp tục chật vật trong năm 2015 do thị trường lao động ềo uột. Tuy nhiên sự kết hợp giữa giá dầu giảm, đồng Euro suy yếu, sức ép từ nợ nước ngoài giảm và chính sách tiền tệ nới lỏng sẽ giúp kích thích tăng trưởng kinh tế ở khu vực này. Dự đoán nền kinh tế khu vực Eurozone sẽ tăng trưởng nhẹ, đạt 1,5% trong năm 2015. Nền kinh tế Nhật được dự đoán sẽ thoát khỏi suy thoái và tăng trưởng trở lại ở mức 1% trong năm 2015. Với chính sách nới lỏng của Ngân hàng Trung ương Nhật, giá năng lượng thấp và gói kích thích khổng lồ của chính phủ Nhật sẽ là những yếu tố chính đưa nền kinh tế lớn thứ ba thế giới trở lại với tăng trưởng.

Về nền kinh tế Việt Nam, Chính phủ đã đặt mục tiêu GDP năm 2015 là 6,2%, lạm phát ở mức 5%. Do vậy, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn tiếp tục có những diễn biến khó lường và tiềm ẩn nhiều rủi ro. Định hướng cơ bản trong hoạt động kinh doanh

của Công ty năm 2014 là giảm thiểu chi phí đồng thời huy động tối đa mọi nguồn nhân lực cho sự phát triển bền vững; tiếp tục đầu tư vào nhân sự để nâng cao tính chuyên nghiệp của nhân viên trong các bộ phận Tư vấn, Môi giới và Phân tích, đồng thời tiếp tục phát triển các dịch vụ mới để đón đầu khi thị trường hồi phục.

Kế hoạch kinh doanh APSC năm 2015 như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch Năm 2015	Năm 2014	Tăng Giảm %
<b>Doanh thu</b>	<b>23,340,000,000</b>	<b>14,239,595,351</b>	<b>64%</b>
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	15,000,000,000	9,146,576,527	64%
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	100,000,000	156,148,600	(36%)
Doanh thu hoạt động tư vấn	1,000,000,000	773,636,363	29%
Doanh thu lưu ký chứng khoán	240,000,000	129,148,168	86%
Doanh thu khác	7,000,000,000	4,034,085,693	74%
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>			
<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>23,340,000,000</b>	<b>14,239,595,351</b>	<b>64%</b>
<b>Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>12,000,000,000</b>	<b>7,897,598,210</b>	<b>52%</b>
<b>Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>	<b>11,340,000,000</b>	<b>6,341,997,141</b>	<b>78%</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>7,000,000,000</b>	<b>5,340,943,536</b>	<b>31%</b>
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>4,340,000,000</b>	<b>1,001,053,605</b>	<b>333%</b>
<b>Thu nhập khác</b>			
<b>Chi phí khác</b>			
<b>Lợi nhuận khác</b>			
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>4,340,000,000</b>	<b>1,001,053,605</b>	<b>333%</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>4,340,000,000</b>	<b>1,001,053,605</b>	<b>333%</b>

## IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

### *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty*

Trong bối cảnh khó khăn chung của toàn thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2014, Hội đồng quản trị ghi nhận nỗ lực của toàn bộ tập thể cán bộ Công ty khi hoàn thành khá tốt việc thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty. Công ty đã ghi nhận lợi nhuận sau thuế ở mức 1.001.053.605 đồng, sau một vài năm trước đó ghi nhận kết quả lỗ. Kết quả kinh doanh trên đạt được là nhờ việc hoàn thành tốt ở một số công việc chính như:

- Tập trung tăng cường công tác quản trị rủi ro;
- Triển khai một số sản phẩm, dịch vụ phục vụ nhà đầu tư;
- Kiện toán một số quy trình, quy chế nội bộ như các quy trình nghiệp vụ, quy định về bảo mật thông tin, quy trình đánh giá nhân viên...
- Tăng cường thực hiện các hoạt động đào tạo nội bộ nhằm nâng cao chất lượng nhân sự.

### *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty*

Năm 2014, Hội đồng quản trị triển khai giám sát hoạt động của Ban Giám đốc thông qua các hình thức:

- Giám sát thông qua các báo cáo kết quả hoạt động hàng tháng, hàng quý
- Giám sát Ban Tổng giám đốc trong các cuộc họp giao ban công ty
- Giám sát thông qua các ý kiến đánh giá, kết luận của Ban kiểm soát về công tác quản trị điều hành của Ban tổng giám đốc và tình hình hoạt động của Công ty.

Kết quả giám sát: Ban Tổng giám đốc công ty đã có những cố gắng rất lớn trong việc Điều hành công ty. Ban Tổng giám đốc chỉ đạo và thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao như: Điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty vượt qua thời kỳ khó khăn khủng hoảng của nền kinh tế. giữ được sự ổn định về vốn và các nguồn tài chính; Tiết giảm chi phí hoạt động; nâng cấp website công ty; Thay đổi, tuyển mới, chuyển chuyên nhân sự hợp lý tận dụng tốt nguồn lực cũng như giúp nhân viên phát huy tốt năng lực của mình; Có những chiến lược thu hút nhà đầu tư tương đối hiệu quả. Kết quả kinh doanh năm 2014 so với năm 2013 có những tiến bộ nhất định.

Tuy vậy, những cố gắng của Ban giám đốc chưa đạt được kết quả như kế hoạch, doanh thu, lợi nhuận và chi phí kinh doanh trong năm đều không đạt kế hoạch đề ra.

### ***Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị***

Kinh tế Việt Nam dự báo tiếp tục tăng trưởng song tốc độ chậm, GDP dự báo tăng khoảng 6,2% và CPI tăng khoảng 5%-7%. Do vậy, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn tiếp tục có những diễn biến khó lường và tiềm ẩn nhiều rủi ro. Bên cạnh đó là sự cạnh tranh khốc liệt về thị phần giữa các công ty chứng khoán. Hội đồng quản trị đặt mục tiêu tiết giảm chi phí, tận dụng các nguồn lực hiện có, đào tạo nhân sự hiện có và nâng cao chất lượng dịch vụ là những giải pháp căn bản để giảm bớt những khó khăn do hoàn cảnh thị trường chứng khoán suy giảm hiện nay gây ra.

Năm 2015, Hội đồng quản trị chỉ đạo thực hiện những công việc chính sau:

- Tiếp tục nâng cấp toàn bộ hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng với các yêu cầu và tiêu chuẩn giao dịch mới;
- Khai thác triệt để lợi thế của APSC trong việc mở rộng và phát triển khách hàng
- Tăng cường kiểm soát doanh thu, chi phí nhằm duy trì hoạt động kinh doanh có lãi, chống đỡ với những khó khăn của thị trường và sẵn sàng khi thị trường có cơ hội phục hồi
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác quản trị và kiểm soát rủi ro, xây dựng Quy chế quản trị rủi ro chi tiết, cụ thể với từng nhóm rủi ro, từng bộ phận chuyên môn.
- Không ngừng hoàn thiện chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng;
- Tăng thị phần môi giới, mở rộng lĩnh vực tư vấn tài chính doanh nghiệp;
- Liên tục tuyển dụng và đào tạo các nhân tài phục vụ cho Công ty.

## **V. Quản trị công ty**

### ***Hội đồng quản trị***

Hội đồng quản trị Công ty có 05 người như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tham gia điều	Cổ phần sở hữu và đại diện	Loại cổ phần sở	Tỷ lệ

			<b>hành/ Độc lập không điều hành</b>	<b>Sở hữu</b>	<b>Đại diện</b>	<b>hữu</b>	
1	Nguyễn Quốc Hùng	Chủ tịch HĐQT	Tổng giám đốc	1.636.400	0	Phổ thông	27,92%
2	Lê Như Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT	Độc lập không điều hành	0	115.000	Phổ thông	1,96%
3	Lê Văn Cường	Thành viên	Phó tổng giám đốc	41.000	0	Phổ thông	0,7%
4	Lê Đức Thắng	Thành viên	Độc lập không điều hành	0	0	Phổ thông	0%
5	Trương Thị Minh Thọ	Thành viên	TV Ban giám đốc	190.000	0	Phổ thông	3,24%

Hội đồng quản trị có 05 thành viên, trong đó 02 thành viên không điều hành là ông Lê Như Hùng và Lê Đức Thắng, 03 thành viên còn lại kiêm nhiệm chức vụ quản lý và điều hành công ty, hưởng lương hàng tháng.

Tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông (ngày 31/12/2014) 05 thành viên Hội đồng quản trị sở hữu trực tiếp 1.867.400 cổ phiếu, chiếm 31,86% và đại diện sở hữu 115.000 cổ phần, tương đương 1,96%.

#### **Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

- Triển khai việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 đến Ban điều hành và các bộ phận trong công ty.
- Bàn bạc với Ban kiểm soát quyết định lựa chọn Công ty kiểm toán (Trong số các công ty kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận) để Tổng giám đốc ký hợp đồng thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính công ty.

- HĐQT công ty đã thực hiện nghiêm túc Báo cáo tình hình quản trị Công ty định kỳ 06 tháng và năm gửi Ủy ban chứng khoán Nhà nước theo đúng Quy định của Pháp luật.
- Giám sát những người quản lý công ty trong việc thực hiện nhiệm vụ, nhìn chung năm 2014 đa số những người quản lý điều hành công ty thực hiện nhiệm vụ một cách năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm. Công tác quản lý điều hành thực hiện một cách nghiêm túc và cẩn trọng theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.
- Trực tiếp bàn bạc, chỉ đạo và góp ý với Tổng giám đốc, cùng Tổng giám đốc đưa ra những biện pháp cụ thể để tháo gỡ những khó khăn trong kinh doanh
- Cùng với các kiểm toán viên của Công ty kiểm toán độc lập xem xét tính hợp lý, hợp lệ và các vấn đề khác của Báo cáo tài chính năm 2014, báo cáo tài chính đã được kiểm toán và công bố theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

Trước những biến động của thị trường chứng khoán, năm 2014, Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo, giám sát kịp thời, hỗ trợ hoạt động của Ban Tổng giám đốc thông qua việc ban hành các nghị quyết, quyết định liên quan đến lĩnh vực hoạt động kinh doanh và tổ chức nhân sự của Công ty phù hợp với pháp luật và quy chế, quy định của công ty, bám sát mục tiêu kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã giao.

Ngoài các cuộc họp định kỳ, các thành viên Hội đồng quản trị thường xuyên trao đổi thông tin linh hoạt thông qua văn bản, fax, email... Nội dung chính thảo luận tại các phiên họp sau khi đạt được sự thống nhất giữa các thành viên Hội đồng quản trị được thể chế thành Nghị quyết Hội đồng quản trị. Trong năm 2014, Hội đồng quản trị triệu tập 4 lần với các nội dung chính như sau:

- Thông qua kết quả kinh doanh năm 2013 theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán; thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2014.
- Đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm 2014; thông qua phương hướng, nhiệm vụ cho các tháng tiếp theo.
- Thông qua báo cáo tài chính quý III/2014 và giải trình lợi nhuận quý III/2014; đánh giá kết quả kinh doanh quý III/2014 và đề ra phương hướng nhiệm vụ quý IV/2014.
- Đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh năm 2014 và thông qua phương hướng, nhiệm vụ năm 2015.

**Ban Kiểm soát****a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tham gia điều hành/ Độc lập không điều hành	Cổ phần sở hữu và đại diện		Loại cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
				Sở hữu	Đại diện		
1	Lê Thành Trung	Trưởng Ban kiểm soát	Độc lập không điều hành	575.000	0	Phổ thông	9.81%
2	Nguyễn Đặng Bảo Linh	Thành viên	Độc lập không điều hành	30.000	0	Phổ thông	0.51%
3	Đỗ Bích Ngọc	Thành viên	Độc lập không điều hành	0	0	Phổ thông	0

**b) Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Trong năm 2014, Ban kiểm soát công ty nhận được sự hỗ trợ của Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong việc thực hiện nhiệm vụ. Ban kiểm soát hoạt động một cách chủ động theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty, cụ thể:

- Tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty đều mời các thành viên Ban kiểm soát tham dự.
- Tham gia ý kiến với HĐQT trong các vấn đề: Tổng kết hoạt động và xây dựng kế hoạch, chỉ định công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Công ty, bàn bạc thực hiện chiến lược kinh doanh của Công ty đã công bố.
- Giám sát việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật (bao gồm các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và



các nghĩa vụ tài chính khác); Trong năm 2014 tất cả các vấn đề này được Công ty chấp hành tốt.

Trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát không nhận bất cứ một khoản thù lao nào.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: Do tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2014 gặp nhiều khó khăn, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tình nguyện không nhận bất cứ một khoản thù lao nào.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

**VI. Báo cáo tài chính (đính kèm)**

**1. Ý kiến kiểm toán**

**2. Báo cáo tài chính được kiểm toán**

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA  
CÔNG TY**



**TỔNG GIÁM ĐỐC  
NGUYỄN QUỐC HÙNG**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA**  
**cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

*kèm theo*  
**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
**CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

---

*Được kiểm toán bởi:*

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI**  
Địa chỉ: 296 Phan Xích Long, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (08) 3517 1936 Fax: (08) 3517 1935

*Tháng 03 năm 2015*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA**

Địa chỉ: Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội  
Điện thoại: (04) 3933 4666 Fax: (04) 3933 4668

---

**MỤC LỤC**

*Trang*

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
<i>Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	05 - 07
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014</i>	08
<i>Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu năm 2014</i>	09
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2014</i>	10 - 11
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính</i>	12 - 33

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA

Địa chỉ: Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội  
Điện thoại: (04) 3933 4666 Fax: (04) 3933 4668

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

#### CÔNG TY

Thành lập: Giấy phép số 44/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2006 và các giấy phép điều chỉnh sau này

Vốn điều lệ: 58.619.400.000 đồng Việt Nam

Hoạt động chính trong năm: Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán

Trụ sở chính: Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

#### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

#### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

##### *Hội đồng quản trị*

Ông Nguyễn Quốc Hùng	Chủ tịch
Ông Lê Như Hùng	Phó chủ tịch
Ông Lê Văn Cường	Thành viên
Bà Trương Thị Minh Thọ	Thành viên
Ông Lê Đức Thắng	Thành viên

##### *Ban Tổng Giám đốc*

Ông Nguyễn Quốc Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Cường	Giám đốc khối Tư vấn tài chính doanh nghiệp
Bà Nguyễn Thị Giáng Hương	Giám đốc khối Tài chính Kế toán – Hành chính nhân sự
Bà Trương Thị Minh Thọ	Giám đốc khối Kinh doanh chứng khoán
Ông Võ Thanh Hải	Giám đốc khối Công nghệ thông tin



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA

Địa chỉ: Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội  
Điện thoại: (04) 3933 4666 Fax: (04) 3933 4668

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

##### Ban kiểm soát

Ông Lê Thành Trung	Trưởng ban
Bà Nguyễn Đăng Bảo Linh	Thành viên
Bà Đỗ Bích Ngọc	Thành viên

##### KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã thực hiện công tác kiểm toán các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho Công ty.

#### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, nguồn vốn chủ sở hữu, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Hùng

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2015





**CÔNG TY KIỂM TOÁN & KẾ TOÁN HÀ NỘI - CN TP.HCM**

296 Phan Xích Long, P.2, Q.Phú Nhuận, TP.HCM

Tel: (848) 3517.1936 - Fax: (848) 3517.1935

Email: info.hcm@cpahanoi.com - www.cpahanoi.com

Số tham chiếu: 15-2-0008/BCKT-BCTC-CPAHANOI-CNHCM

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (“Công ty”), bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính, được lập ngày 19 tháng 03 năm 2015, từ trang 05 đến trang 33.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### ***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### ***Vấn đề cần nhấn mạnh***

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 6 về khoản đầu tư vào chứng khoán chưa niêm yết trị giá 15.568.770.000 đồng vượt quá 20% vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 (vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31/12/2014 là 49.478.318.053 đồng). Công ty có cam kết sẽ giảm tỷ lệ đầu tư về đúng hạn mức theo quy định.

Ngoài ra, khoản lỗ lũy kế của Công ty tính đến 31 tháng 12 năm 2014 là 11.729.825.134 đồng, chiếm tỷ lệ 19,16% vốn chủ sở hữu.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 07 (bảy) bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha giữ 06 (sáu) bản, chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 (một) bản.

### **Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán & Kế toán Hà Nội**



\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Ngọc Tĩnh – Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN: 0132-2013-016-1  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2015

\_\_\_\_\_  
**Tô Quang Tùng – Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN: 0270-2013-016-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

<i>TÀI SẢN</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
<b>A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG</b>	<b>100</b>		<b>53.895.322.627</b>	<b>62.831.582.368</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>	<i>4</i>	<b>13.311.902.379</b>	<b>19.486.550.086</b>
1. Tiền	111		13.311.902.379	18.486.550.086
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.000.000.000
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>	<i>6</i>	<b>17.584.678.900</b>	<b>26.747.264.200</b>
1. Đầu tư ngắn hạn khác	121		22.106.702.685	31.797.589.068
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(4.522.023.785)	(5.050.324.868)
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>		<b>22.977.872.913</b>	<b>16.527.155.030</b>
1. Phải thu khách hàng	131	7	20.447.850.120	16.511.656.555
2. Trả trước cho người bán	132	7	2.606.972.000	30.800.000
3. Phải thu khác	138	7	12.519.031	522.782.808
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7	(89.468.238)	(538.084.333)
<i>IV. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>		<b>20.868.435</b>	<b>70.613.052</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	34.611.112
2. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	14a	20.868.435	36.001.940
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>6.343.807.882</b>	<b>7.683.344.967</b>
<i>I. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<b>589.379.117</b>	<b>1.451.667.753</b>
1. <i>Tài sản cố định hữu hình</i>	221	8	473.056.536	1.229.686.656
- Nguyên giá	222		6.433.218.835	6.433.218.835
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.960.162.299)	(5.203.532.179)
2. <i>Tài sản cố định vô hình</i>	227	9	116.322.581	221.981.097
- Nguyên giá	228		1.385.162.000	1.385.162.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.268.839.419)	(1.163.180.903)
<i>II. Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>		<b>5.754.428.765</b>	<b>6.231.677.214</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	71.523.644	632.730.550
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		4.050.378.341	4.050.378.341
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	11	1.546.184.650	1.462.226.193
4. Tài sản dài hạn khác	268	12	86.342.130	86.342.130
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>60.239.130.509</b>	<b>70.514.927.335</b>

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính)



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

<i>NGUỒN VỐN</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>10.760.812.456</b>	<b>22.037.662.887</b>
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	<i>310</i>		<i>10.760.812.456</i>	<i>22.037.662.887</i>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	-	2.229.000.000
2. Phải trả người bán	312		131.193.985	502.740.091
3. Người mua trả tiền trước	313		187.500.000	240.750.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14b	25.425.094	4.995.791
5. Chi phí phải trả	316	15	215.120.439	462.538.101
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	16	10.176.580.814	18.572.646.780
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		24.992.124	24.992.124
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>49.478.318.053</b>	<b>48.477.264.448</b>
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	<i>410</i>		<i>49.478.318.053</i>	<i>48.477.264.448</i>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17	58.619.400.000	58.619.400.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.779.850.000	1.779.850.000
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		808.893.187	808.893.187
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(11.729.825.134)	(12.730.878.739)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>60.239.130.509</b>	<b>70.514.927.335</b>

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính)



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
<b>1. Chứng khoán lưu ký</b>	006		<b>337.257.690.000</b>	<b>331.008.800.000</b>
<i>1.1. Chứng khoán giao dịch</i>	007		<i>328.770.900.000</i>	<i>309.974.290.000</i>
1.1.1. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		328.693.530.000	309.898.840.000
1.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010		77.370.000	75.450.000
<i>1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</i>	012		<i>1.699.870.000</i>	<i>2.069.370.000</i>
1.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		1.699.870.000	2.069.370.000
<i>1.3. Chứng khoán chờ thanh toán</i>	027		<i>5.248.200.000</i>	<i>18.785.700.000</i>
1.3.1. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		5.248.200.000	18.785.700.000
<i>1.4. Chứng khoán chờ giao dịch</i>	037		<i>1.538.720.000</i>	<i>179.440.000</i>
1.4.1. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		1.538.720.000	179.180.000
1.4.1. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040		-	260.000
<b>2. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết</b>	050		<b>17.808.340.000</b>	<b>14.294.370.000</b>
<i>2.1. Chứng khoán giao dịch</i>	051		<i>17.723.340.000</i>	<i>14.244.370.000</i>
2.1.1. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053		17.722.340.000	14.243.370.000
2.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	054		1.000.000	1.000.000
<i>2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</i>	056		<i>85.000.000</i>	-
2.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058		85.000.000	-
<i>2.3. Chứng khoán chờ thanh toán</i>	071		-	<i>50.000.000</i>
2.3.1. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073		-	50.000.000



Nguyễn Quốc Hùng  
 Tổng Giám đốc  
 Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2015

Vũ Thúy Anh  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Hoài Vân  
 Người lập biểu



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
<b>1. Doanh thu</b>	01		<b>14.239.595.351</b>	<b>8.088.542.700</b>
Trong đó:				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		9.146.576.527	4.025.616.350
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		156.148.600	82.027.600
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		773.636.363	726.818.182
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		129.148.168	76.007.387
- Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu giá	01.7		-	-
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
- Doanh thu khác	01.9	18	4.034.085.693	3.178.073.181
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	10		<b>14.239.595.351</b>	<b>8.088.542.700</b>
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	19	7.897.598.210	6.012.712.067
<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>6.341.997.141</b>	<b>2.075.830.633</b>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	20	5.340.943.536	5.821.917.316
<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		<b>1.001.053.605</b>	<b>(3.746.086.683)</b>
8. Thu nhập khác	31		-	3.000.000
9. Chi phí khác	32		-	-
<b>10. Lợi nhuận khác</b>	40		<b>-</b>	<b>3.000.000</b>
<b>11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		<b>1.001.053.605</b>	<b>(3.743.086.683)</b>
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	-	-
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>14. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	60		<b>1.001.053.605</b>	<b>(3.743.086.683)</b>
<b>15. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu</b>	70	22	<b>171</b>	<b>(639)</b>



Nguyễn Quốc Hùng *peanh*  
 Tổng Giám đốc  
 Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2015

*Thu Anh*  
 Vũ Thúy Anh  
 Kế toán trưởng

*Hoài Vân*  
 Nguyễn Hoài Vân  
 Người lập biểu

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA**  
Số 2 Phạm Ngũ Lão, P.Phan Chu Trinh, Q.Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội  
Điện thoại: (04) 3933.3666 Fax: (04) 3933.4668

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chi tiêu	Số đầu năm		Số tăng/(giảm)		Số cuối năm	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay
	VND	VND	(Giảm)	(Giảm)	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	58.619.400.000	58.619.400.000	-	-	58.619.400.000	58.619.400.000
Thặng dư vốn cổ phần	1.779.850.000	1.779.850.000	-	-	1.779.850.000	1.779.850.000
Quý Dự phòng tài chính	808.893.187	808.893.187	-	-	808.893.187	808.893.187
LN chưa phân phối	(8.987.792.056)	(12.730.878.739)	(3.743.086.683)	1.001.053.605	(12.730.878.739)	(11.729.825.134)
<b>Cộng</b>	<b>52.220.351.131</b>	<b>48.477.264.448</b>	<b>(3.743.086.683)</b>	<b>1.001.053.605</b>	<b>48.477.264.448</b>	<b>49.478.318.053</b>



*Chức*  
Vũ Thúy Anh  
Kế toán trưởng

*mb*  
Nguyễn Hoài Vân  
Người lập biểu

*Phước*  
Nguyễn Quốc Hùng  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (theo phương pháp trực tiếp)  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	01		4.426.277.443	2.144.508.000
2. Tiền chi hoạt động kinh doanh	02		(2.446.536.598)	(2.983.778.020)
3. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	06		549.388.225.139	372.407.211.587
4. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	07		(535.530.128.408)	(395.056.641.977)
5. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	10		(6.496.016.667)	(5.285.095.706)
6. Tiền chi trả cho người lao động	11		(4.201.633.704)	(4.392.383.337)
7. Tiền chi trả lãi vay	12		(889.271.404)	(17.793.111)
8. Tiền thu khác	14		38.969.013.909	36.124.693.515
9. Tiền chi khác	15		(51.545.697.222)	(6.170.513.802)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(8.325.767.512)</b>	<b>(3.229.792.851)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(140.000.000)
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		4.837.720.000	5.347.035.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		542.399.805	758.002.220
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>5.380.119.805</b>	<b>5.965.037.220</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ** (tiếp theo)  
(theo phương pháp trực tiếp)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		74.410.000.000	9.150.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(77.639.000.000)	(15.321.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<i>(3.229.000.000)</i>	<i>(6.171.000.000)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(6.174.647.707)	(3.435.755.631)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	19.486.550.086	22.922.305.717
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	13.311.902.379	19.486.550.086



Nguyễn Quốc Hùng  
Tổng Giám đốc

Vũ Thủy Anh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Hoài Vân  
Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2015



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

**Thành lập**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo:

- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103015116 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19 tháng 12 năm 2006 và sửa đổi lần 1 vào ngày 22 tháng 12 năm 2006;
- Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 44/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2006;
- Quyết định số 64/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 21 tháng 08 năm 2007 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Quyết định số 133/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 18 tháng 06 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty;
- Giấy phép số 211/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16 tháng 03 năm 2009 về việc điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 44/UBCK-GPHĐKD được rút bớt nghiệp vụ tự doanh chứng khoán.

Trụ sở chính tại số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

**Vốn cổ phần:** 58.619.400.000 đồng.

**Hoạt động kinh doanh chính trong năm:** Môi giới chứng khoán. Tư vấn đầu tư chứng khoán. Lưu ký chứng khoán.

**Tổng số nhân viên** đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 33 người, trong đó 15 người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán.

**2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ TUYÊN BỐ TUÂN THỦ**

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính bằng đồng Việt Nam (VND).

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung và thực hiện trên phần mềm kế toán trên máy vi tính.

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán theo:

- Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp;
- Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn, kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán;
- Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008.

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ TUYÊN BỐ TUÂN THỦ (tiếp theo)**

***Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán***

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 “Trình bày Báo cáo tài chính”.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

***Tiền và các khoản tương đương tiền***

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư.

***Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác***

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý trong kỳ.

***Đầu tư tài chính***

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn chứng khoán tự doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

***Đầu tư tài chính (tiếp theo)***

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá trị sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng;
- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại UPCOM) là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng;
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá 1 tháng tính đến ngày trích lập dự phòng. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện trích lập dự phòng;
- Đối với những chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính khác được lập cho từng khoản đầu tư căn cứ vào ước tính khả năng thu hồi của từng khoản đầu tư tài chính so với giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư tài chính này.

Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí tài chính trong kỳ.

***Tài sản cố định và khấu hao***

***Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình***

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian ước tính hữu ích của tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3	-	8	năm
Phương tiện vận tải			5	năm
Tài sản cố định khác	3	-	8	năm
Phần mềm máy tính			3	năm



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

***Chi phí chờ phân bổ***

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn để phân bổ đều vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 36 tháng:

- Chi phí thuê văn phòng;
- Chi phí thuê biển hiệu quảng cáo;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí chờ phân bổ khác.

***Phải trả và trích trước***

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

***Vốn chủ sở hữu***

**Vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

**Lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận được ghi nhận là số lãi/(lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành. Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận và điều chỉnh hồi tố do những thay đổi về chính sách kế toán hay sai sót của các năm trước và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam như sau:

<b><i>Các quỹ</i></b>	<b><i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i></b>	<b><i>Mức trích lập tối đa</i></b>
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

***Doanh thu***

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã hoàn tất hoặc dựa trên các điều khoản của hợp đồng cung cấp dịch vụ.

**Thu nhập từ hoạt động góp vốn đầu tư chứng khoán và lãi tiền gửi**

Thu nhập từ hoạt động góp vốn đầu tư chứng khoán và lãi tiền gửi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi thu nhập từ hoạt động góp vốn và tiền lãi không chắc chắn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

***Doanh thu (tiếp theo)***

**Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán**

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

**Cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

**Thuế hiện hành**

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, sử dụng mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**Thuế thu nhập doanh nghiệp** (tiếp theo)

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**Công cụ tài chính**

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các công cụ tài chính được niêm yết và chưa niêm yết.

Nợ tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như ban Tổng giám đốc, hội đồng quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Tiền mặt	631.965.213	189.745.377
Tiền gửi ngân hàng	12.679.937.166	18.296.804.709
<i>Trong đó: Tiền ký quỹ của nhà đầu tư</i>	<i>9.424.897.405</i>	<i>18.041.542.014</i>
Tương đương tiền	-	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>13.311.902.379</b>	<b>19.486.550.086</b>

**5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm</i>	<i>Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VND</i>
<b>a) Cửa công ty chứng khoán</b>	<b>72.960</b>	<b>946.720.000</b>
- Cổ phiếu	72.960	946.720.000
<b>b) Cửa nhà đầu tư</b>	<b>327.312.429</b>	<b>3.378.850.345.800</b>
- Cổ phiếu	327.312.429	3.378.850.345.800
<b>Cộng</b>	<b>327.385.389</b>	<b>3.379.797.065.800</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a. Tình hình đầu tư tài chính**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
<b>I. Chứng khoán thương mại</b>	<b>19.839.807.685</b>	<b>24.516.374.068</b>
- Cổ phiếu niêm yết	4.271.037.685	4.761.044.068
- Cổ phiếu chưa niêm yết (*)	15.568.770.000	19.755.330.000
<b>II. Đầu tư ngắn hạn khác (**)</b>	<b>2.266.895.000</b>	<b>7.281.215.000</b>
<b>III. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn</b>	<b>(4.522.023.785)</b>	<b>(5.050.324.868)</b>
- Cổ phiếu niêm yết	(3.485.940.285)	(3.741.838.368)
- Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-
- Đầu tư ngắn hạn khác	(1.036.083.500)	(1.308.486.500)
<b>Cộng</b>	<b>17.584.678.900</b>	<b>26.747.264.200</b>

Trong đó:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Khoản đầu tư bị giảm giá/ rủi ro	6.537.932.685	12.042.259.068
Khoản đầu tư không bị giảm giá/ rủi ro	15.568.770.000	19.755.330.000
<b>Cộng</b>	<b>22.106.702.685</b>	<b>31.797.589.068</b>

(\*) Khoản đầu tư chiếm 31,47% vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014. Công ty đang tìm đối tác nhận chuyển nhượng khoản đầu tư để giảm tỷ lệ đầu tư về đúng hạn mức quy định.

(\*\*) Khoản đầu tư ngắn hạn khác là các khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán. Công ty đang trong quá trình tất toán các khoản đầu tư này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA**Số 2 Phạm Ngũ Lão, P.Phân Chu Trinh, Q.Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội  
Điện thoại: (04) 3933 3666 Fax: (04) 3933 4668Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

b. Tình hình tăng giảm các khoản đầu tư bị giảm giá/ rủi ro

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán (VND)		So với giá thị trường (VND)				Tổng giá trị theo giá thị trường (VND)	
	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Tăng		Giảm		Cuối kỳ	Đầu kỳ
					Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ		
<b>I. Chứng khoán thương mại</b>	<b>80.088</b>	<b>124.588</b>	<b>4.271.037.685</b>	<b>4.761.044.068</b>	-	-	<b>(3.485.940.285)</b>	<b>(3.741.838.368)</b>	<b>785.097.400</b>	<b>1.019.205.700</b>
1. Cổ phiếu niêm yết	80.088	124.588	4.271.037.685	4.761.044.068	-	-	(3.485.940.285)	(3.741.838.368)	785.097.400	1.019.205.700
ANV	80.000	80.000	4.269.382.040	4.269.382.040	-	-	(3.485.382.040)	(3.589.382.040)	784.000.000	680.000.000
NBC	83	11.583	1.313.617	183.320.000	-	-	(375.717)	(68.648.300)	937.900	114.671.700
SHB	-	33.000	-	308.000.000	-	-	-	(83.600.000)	-	224.400.000
VCB	5	5	342.028	342.028	-	-	(182.528)	(208.028)	159.500	134.000
<b>II. Đầu tư ngắn hạn khác</b>			<b>1.769.430.000</b>	<b>1.965.350.000</b>	-	-	<b>(1.036.083.500)</b>	<b>(1.308.486.500)</b>	<b>733.346.500</b>	<b>566.363.500</b>
<b>Cộng</b>	<b>80.088</b>	<b>124.588</b>	<b>6.040.467.685</b>	<b>6.726.394.068</b>	-	-	<b>(4.522.023.785)</b>	<b>(5.050.324.868)</b>	<b>1.518.443.900</b>	<b>1.585.569.200</b>

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA**

Số 2 Phạm Ngũ Lão, P.Phân Chu Trinh, Q.Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội  
 Điện thoại: (04) 3933 3666 Fax: (04) 3933 4668

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Chi tiêu	Số đầu năm (VND)		Số phát sinh trong năm (VND)		Số cuối năm (VND)		Số dự phòng đã lập (VND)
	Tổng số	Số quá hạn	Tăng	(Giảm)	Tổng số	Số quá hạn	
- Phải thu của khách hàng	16.511.656.555	31.500.000	1.407.531.473.494	(1.403.595.279.929)	20.447.850.120	147.436.476	147.436.476
- Trả trước cho người bán	30.800.000	-	2.576.172.000	-	2.606.972.000	-	-
+ Ngắn hạn	30.800.000	-	2.576.172.000	-	2.606.972.000	-	-
+ Dài hạn	-	-	-	-	-	-	-
- Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	291.107.504	(291.107.504)	-	-	-
- Phải thu khác	522.782.808	507.784.333	2.920.920.344	(3.431.184.121)	12.519.031	-	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chỉ tiêu	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	4.080.408.872	820.737.000	1.532.072.963	6.433.218.835
Số dư cuối năm	4.080.408.872	820.737.000	1.532.072.963	6.433.218.835
<b>Hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	3.122.471.879	820.737.000	1.260.323.300	5.203.532.179
Khấu hao trong năm	542.327.832	-	214.302.288	756.630.120
Số dư năm	3.664.799.711	820.737.000	1.474.625.588	5.960.162.299
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	957.936.993	-	271.749.663	1.229.686.656
Số dư cuối năm	415.609.161	-	57.447.375	473.056.536

Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 2.308.757.782 đồng.

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Chỉ tiêu	Phần mềm máy tính VND
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	1.385.162.000
Số dư cuối năm	1.385.162.000
<b>Hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	1.163.180.903
Khấu hao trong năm	105.658.516
Số dư năm	1.268.839.419
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	221.981.097
Số dư cuối năm	116.322.581

Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 1.167.662.000 đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>VND</i>
Tiền thuê văn phòng, biển hiệu quảng cáo văn phòng HCM (*)	-	522.824.784
Chi phí chờ phân bổ khác	71.523.644	109.905.766
<b>Cộng</b>	<b>71.523.644</b>	<b>632.730.550</b>

(\*) Khoản tiền thuê văn phòng, biển hiệu quảng cáo của văn phòng đại diện của Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh phát sinh trong khoảng thời gian trước khi chi nhánh chính thức đi vào hoạt động.

**11. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>VND</i>
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	895.318.648	895.318.648
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	530.866.002	446.907.545
<b>Cộng</b>	<b>1.546.184.650</b>	<b>1.462.226.193</b>

**12. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>VND</i>
Đặt cọc thuê văn phòng	76.342.130	76.342.130
Ký quỹ mở thẻ taxi	10.000.000	10.000.000
<b>Cộng</b>	<b>86.342.130</b>	<b>86.342.130</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

Chỉ tiêu	Lãi suất	Số dư	Số vay	Số trả	Số dư
		đầu năm	trong năm	trong năm	cuối năm
		VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng	10% - 14,2%/năm	900.000.000	-	(900.000.000)	-
Vay đối tượng khác	12%- 15%/năm	1.329.000.000	77.410.000.000	(78.739.000.000)	-
<b>Cộng</b>		<b>2.229.000.000</b>	<b>77.410.000.000</b>	<b>(79.639.000.000)</b>	<b>-</b>

Các khoản vay được dùng để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 3 tháng.

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

**a. Thuế nộp thừa**

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Thuế TNDN nộp thừa	20.868.435	20.868.435
Thuế TNCN nộp thừa	-	15.133.505
<b>Cộng</b>	<b>20.868.435</b>	<b>36.001.940</b>

**b. Thuế phải nộp**

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	19.587.634	4.995.791
Thuế thu nhập cá nhân	2.177.460	-
Các loại thuế khác	3.660.000	-
<b>Cộng</b>	<b>25.425.094</b>	<b>4.995.791</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>VND</i>
Chi phí lãi vay	-	279.066.666
Lãi trả nhà đầu tư	8.765.073	27.079.058
Chi phí hoạt động	141.355.366	121.392.377
Chi phí phải trả khác	65.000.000	35.000.000
<b>Cộng</b>	<b>215.120.439</b>	<b>462.538.101</b>

**16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>VND</i>
Tiền ký quỹ của nhà đầu tư trong nước	9.235.561.259	17.786.669.384
Tiền ký quỹ của nhà đầu tư nước ngoài	189.309.791	152.309.791
Các khoản phải trả, phải nộp khác	751.709.764	633.667.605
<b>Cộng</b>	<b>10.176.580.814</b>	<b>18.572.646.780</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a. Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Công ty TNHH CNTT và TT Tân Thanh Hoa	1,96	1.150.000.000	1.150.000.000
Ông Lê Thành Trung	9,81	5.750.000.000	5.750.000.000
Bà Vũ Thúy Anh	9,26	5.428.000.000	5.428.000.000
Cổ đông khác	78,97	46.291.400.000	46.291.400.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00</b>	<b>58.619.400.000</b>	<b>58.619.400.000</b>

**b. Cổ phiếu**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	5.861.940	5.861.940
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	5.861.940	5.861.940
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.861.940</i>	<i>5.861.940</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.861.940	5.861.940
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.861.940</i>	<i>5.861.940</i>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**18. DOANH THU KHÁC**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Lãi tiền gửi	176.799.754	330.571.754
Doanh thu hoạt động ký quỹ	936.541.124	1.082.067.288
Doanh thu khác	2.920.744.815	1.765.434.139
<b>Cộng</b>	<b>4.034.085.693</b>	<b>3.178.073.181</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**19. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí môi giới kinh doanh	1.013.265.847	431.590.911
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	1.306.566.383	1.641.316.992
Chi phí hoạt động tư vấn	31.818.182	-
Chi phí lưu ký chứng khoán	182.879.220	207.248.965
Chi phí dự phòng/ (hoàn nhập dự phòng)	(528.301.083)	(1.943.760.892)
Chi phí khác	5.891.369.661	5.676.316.091
<b>Cộng</b>	<b>7.897.598.210</b>	<b>6.012.712.067</b>

**20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí nhân viên	2.875.365.443	3.137.549.938
Chi phí vật liệu quản lý	103.750.500	69.728.276
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	64.258.796	45.584.476
Chi phí khấu hao TSCĐ	244.125.540	274.147.755
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng/ (hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi, phải trả	(221.616.095)	506.584.333
Chi phí dịch vụ mua ngoài	977.222.993	1.195.591.308
Chi phí bằng tiền khác	1.294.836.359	589.731.230
<b>Cộng</b>	<b>5.340.943.536</b>	<b>5.821.917.316</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) với thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được.

**a. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Tổng lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế (1)	1.001.053.605	(3.743.086.683)
<i>Điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán</i>		
- Điều chỉnh tăng (2)	785.255.265	-
- (Điều chỉnh giảm) (3)	(72.148.600)	(82.027.600)
Thu nhập chịu thuế (4) = (1) + (2) + (3)	1.714.160.270	(3.825.114.283)
Chuyển lỗ kỳ trước (5)	(1.714.160.270)	-
Thu nhập tính thuế (6) = (4) + (5)	-	-
Thuế suất (7)	20%	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành (8) = (6) * (7)	-	-

**b. Tình hình quyết toán thuế TNDN**

Từ khi thành lập đến nay, cơ quan thuế chưa kiểm tra quyết toán thuế TNDN của Công ty.

**22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế (1)</b>	<b>1.001.053.605</b>	<b>(3.743.086.683)</b>
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông hiện hữu (2)	-	-
<b>Lãi/(lỗ) phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (3)=(1)+(2)</b>	<b>1.001.053.605</b>	<b>(3.743.086.683)</b>
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (4)	5.861.940	5.861.940
<b>Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (5)=(3)/(4)</b>	<b>171</b>	<b>(639)</b>

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA**

Số 2 Phạm Ngũ Lão, P.Phạm Chu Trinh, Q.Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội  
 Điện thoại: (04) 3933 3666 Fax: (04) 3933 4668

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**23. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Giá trị ghi sổ		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Tài sản tài chính</b>								
Đầu tư ngắn hạn khác	22.106.702.685	4.522.023.785	31.797.589.068	5.050.324.868	17.584.678.900	26.747.264.200		
Phải thu khách hàng	20.447.850.120	89.468.238	16.511.656.555	538.084.333	20.358.381.882	15.973.572.222		
Trả trước cho người bán	2.606.972.000	-	30.800.000	-	2.606.972.000	30.800.000		
Phải thu khác	12.519.031	-	522.782.808	-	12.519.031	522.782.808		
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.311.902.379	-	19.486.550.086	-	13.311.902.379	19.486.550.086		
<b>Cộng</b>	<b>58.485.946.215</b>	<b>4.611.492.023</b>	<b>68.349.378.517</b>	<b>5.588.409.201</b>	<b>53.874.454.192</b>	<b>62.760.969.316</b>		
<b>Nợ phải trả tài chính</b>								
Vay và nợ	-	-	2.229.000.000	-	-	2.229.000.000		
Phải trả người bán	131.193.985	-	502.740.091	-	131.193.985	502.740.091		
Người mua trả tiền trước	187.500.000	-	240.750.000	-	187.500.000	240.750.000		
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	25.425.094	-	4.995.791	-	25.425.094	4.995.791		
Chi phí phải trả	215.120.439	-	462.538.101	-	215.120.439	462.538.101		
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	10.176.580.814	-	18.572.646.780	-	10.176.580.814	18.572.646.780		
<b>Cộng</b>	<b>10.735.820.332</b>	<b>-</b>	<b>22.012.670.763</b>	<b>-</b>	<b>10.735.820.332</b>	<b>22.012.670.763</b>		





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**23. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;
- Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường;
- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá bình quân cung cấp bởi ba công ty chứng khoán độc lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
- Đối với các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao, giá trị hợp lý cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

**24. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**a. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro thay đổi về giá cả thị trường như lãi suất, tỷ giá hối đoái, giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ.

*i. Rủi ro tiền tệ*

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Công ty bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Việc kinh doanh của Công ty không chịu rủi ro tiền tệ do các nghiệp vụ phát sinh đều bằng đồng Việt Nam.

*ii. Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty phải chịu rủi ro lãi suất trên các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay của Công ty.

Tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu bằng đồng Việt Nam. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty là không đáng kể vì hầu hết các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty đều là tài khoản thanh toán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**24. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**a. Rủi ro thị trường (tiếp theo)**

*iii. Rủi ro về giá*

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thường xuyên theo dõi diễn biến của thị trường chứng khoán.

**b. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Rủi ro tín dụng đối với từng khách hàng của Công ty được hạn chế bằng cách áp dụng hạn mức do Ban Giám đốc Công ty phê duyệt. Các khoản phải thu khách hàng thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không bị tập trung vào một khách hàng nhất định. Ngoài ra, Công ty quản lý tài sản của khách hàng nên cũng hạn chế rủi ro tín dụng.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

**c. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**24. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**c. Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)**

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động các luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Công nợ tài chính	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Cuối năm</b>				
Phải trả người bán	131.193.985	-	-	131.193.985
Người mua trả tiền trước	187.500.000	-	-	187.500.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	25.425.094	-	-	25.425.094
Chi phí phải trả	215.120.439	-	-	215.120.439
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.176.580.814	-	-	10.176.580.814
<b>Đầu năm</b>				
Vay và nợ	2.229.000.000	-	-	2.229.000.000
Phải trả người bán	502.740.091	-	-	502.740.091
Người mua trả tiền trước	240.750.000	-	-	240.750.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.995.791	-	-	4.995.791
Chi phí phải trả	462.538.101	-	-	462.538.101
Các khoản phải trả, phải nộp khác	18.572.646.780	-	-	18.572.646.780

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**24. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**d. Tài sản tài chính quá hạn, giảm giá**

Các tài sản tài chính của Công ty không quá hạn cũng không bị giảm giá: Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có uy tín theo đánh giá của Công ty.

Công ty có nhóm tài sản tài chính quá hạn, giảm giá tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán như sau:

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ VND	Trong đó	
		Quá hạn VND	Giảm giá VND
Các khoản đầu tư	6.537.932.685	2.266.895.000	6.040.467.685
Phải thu khách hàng	147.436.476	147.436.476	89.468.238
Phải thu khác	12.519.031	12.519.031	-

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt**

CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lương và các quyền lợi gộp khác của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	1.398.204.843	1.207.201.009

**26. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN).

**27. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.



Nguyễn Quốc Hùng  
Tổng Giám đốc  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2015

Vũ Thúy Anh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Hoài Vân  
Người lập biểu